

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 31/3/2022

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế;

Ông Nguyễn Đăng Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX- ST ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975.

HKTT: Thôn Đông C, xã Hà M, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang trú tại: Thôn Cửu Y, xã Ngũ T, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1974.

HKTT: Thôn Đông C, xã Hà M, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn D ngày 10 tháng 3 năm 1997, trước khi kết hôn anh chị có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, chị N về chung sống cùng gia đình anh D ngay.

Theo như chị N trình bày: Anh chị sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong

cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ tháng 4/2020 đến nay chị và anh D đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh D không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 23/01/1998 và Nguyễn Công T1, sinh ngày 13/10/2003. Hiện nay cả 02 con tôi đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị xác nhận giữa chị và anh D không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D xác nhận lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn và con chung là đúng. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh ngay, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng tháng 4/2020 thì xảy ra mâu thuẫn nên chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N làm đơn ly hôn anh, anh không đồng ý, còn việc chị N ly hôn anh là việc của chị N không liên quan gì đến anh.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung như chị N trình bày là đúng, hiện nay cả con chung đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh D theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh D không đến Tòa án làm việc do vậy Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh D. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn là chưa chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Do các con chung của chị N, anh D đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn D kết hôn ngày 10 tháng 3 năm 1997, trước khi kết hôn anh chị có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D là có thật và nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Từ tháng 4/2020 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Cửu Yên, xã Ngũ Thái ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Phía anh D cũng xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị N. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần để các bên về đoàn tụ nhưng không hòa giải được do anh D đều vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cần xử cho chị N được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị N và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 23/01/1998 và Nguyễn Công T1, sinh ngày 13/10/2003, hiện đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn D có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 23/01/1998 và Nguyễn Công T1, sinh ngày 13/10/2003, hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số AA/2020/0005386 ngày 15/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THADS huyện Thuận Thành;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu